

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Ông Lương Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2023/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cô Thị Hoàng Ngọc T, sinh ngày 11/01/1989. Địa chỉ: ấp Ch, xã LNgh, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Văn R, sinh ngày 14/02/1993. Địa chỉ: ấp NM, xã TH, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cô Thị Hoàng Ngọc T trình bày: Bà và ông Cao Văn R quen biết tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện TrC. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ruột của bà ở ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện TrC. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do bà đang mang thai (với ông R) do thai bị yếu bà phải ở lại nhà cha mẹ ruột để dưỡng thai nên ít về bên gia đình cha mẹ chồng, nhưng ông R và gia đình bên chồng không thông cảm cho bà nên vợ chồng xảy ra cự cãi nhau nhiều lần về chuyện này, lý do khác do cách sống và nói

chuyện giữa vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đầu tháng 4 năm 2023 vợ chồng tiếp tục cãi nhau về chuyện tiền bạc do bà đang mang thai nên không làm ra tiền. Do bà không còn tình cảm với ông R nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai, cha mẹ bà đã gặp cha mẹ ông R hoàn trả đầy đủ vàng là nữ trang bên chồng cho khi kết hôn 23 chỉ vàng) nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông R. Về con chung thì chưa có, hiện bà đang mang thai là con chung với ông R, sau này nếu ông R nhận con thì khi làm khai sinh cho con chung, còn ông R không nhận con thì bà cũng không ý kiến gì. Về vàng cưới gia đình bà đã trả lại hết cho gia đình ông R (có biên bản thỏa thuận nộp cho Tòa án) nay bà không tranh chấp yêu cầu gì về vàng cưới. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2023, bị đơn ông Cao Văn R trình bày: Ông và bà T có quen biết tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới ngày 19/02/2023 theo phong tục tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện TrC. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với gia đình cha mẹ vợ, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 13/4/2023 thì cha mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Liên và ông Cô Trung Tự có nợ tiền bên ngoài khoảng 500.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông hỗ trợ trả nợ, do vợ chồng mới cưới kinh tế chưa có nên không thể hỗ trợ cho cha mẹ vợ, mẹ vợ xúi giục vợ ông về than khóc với gia đình ông để gia đình ông hỗ trợ trả nợ, vì nghe lời mẹ vợ nên vợ ông nghe lời và làm theo, do gia đình ông không có tiền đưa cho mẹ vợ trả nợ nên mẹ vợ bắt vợ ông phải ly hôn với ông. Trong quá trình chung sống, ông ở rể nên gia đình bên vợ gây khó dễ cho ông. Hiện tại bà T đang mang thai là con chung với ông. Bị đơn ông Cao Văn R đề nghị Tòa án xem xét lại để gia đình ông đoàn tụ và để bà T sinh con xong đủ 12 tháng, ông không muốn con mình không có cha và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà Cô Thị Hoàng Ngọc T tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Cao Văn R chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện giữa bà Cô Thị Hoàng Ngọc T và ông Cao Văn R có đăng ký kết hôn hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Cao Văn R đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 227, Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cô Thị Hoàng Ngọc T, cho bà Cô Thị Hoàng Ngọc T được ly hôn với ông Cao Văn R. Về con chung, bà T đang mang thai và xác nhận là con chung với ông R, do con chưa sinh ra nên không xem xét. Về

tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên không giải quyết. Phần vàng cưới hai bên đã hoàn trả cho nhau xong và bà T tự nguyện không tranh chấp yêu cầu nhận lại nên không xem xét. Về án phí đề nghị buộc bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Cao Văn R vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Cao Văn R.

[2] Bà Cô Thị Hoàng Ngọc T và ông Cao Văn R xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Tân Hiệp, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/2023 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà Cô Thị Hoàng Ngọc T và ông Cao Văn R là hợp pháp. Sau kết hôn, bà Cô Thị Hoàng Ngọc T và ông Cao Văn R sống chung nhà cha mẹ ruột của bà T. Theo lời khai của bà Cô Thị Hoàng Ngọc T, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân, Tòa án xác minh nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì thể hiện ông Cao Văn R và bà Cô Thị Hoàng Ngọc T đã sống ly thân là có thật. Qua xác minh mẹ ruột của bà T và ý kiến của cha ruột ông R thì thể hiện gia đình bà T đã mang 23 chỉ trả vàng cưới trả lại cho gia đình ông R xong và nêu ý kiến bà T sẽ khởi kiện ra tòa xin ly hôn với ông R, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Cao Văn R đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, ông R có gửi cho Tòa án bản tự khai nêu ý kiến muốn đoàn tụ với bà T, nhưng khi Tòa án tổ chức các phiên hòa giải để động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho bà T và ông R hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình thì ông R không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có hành động nào có thiện chí muốn đoàn tụ với bà T. Tại phiên tòa, bà T cương quyết ly hôn, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Cao Văn R đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc ai sống ra sao thì sống, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Cao Văn R theo yêu cầu một bên.

[3] Về con chung: Bà T xác nhận đang mang thai là con chung với ông R, phía ông R có văn bản tự khai xác nhận là đúng. Tuy nhiên, do bà T chưa sinh con nên Tòa án không giải quyết về con chung, nếu sau khi bà Cô Thị Hoàng Ngọc T sinh con mà ông Cao Văn R có tranh chấp về con chung thì ông Cao Văn R có quyền khởi kiện vụ án khác để xác định con cho cha theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Nguyên đơn bà Cô Thị Hoàng Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cô Thị Hoàng Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Cao Văn R.

Cho bà Cô Thị Hoàng Ngọc T được ly hôn với ông Cao Văn R.

2. Về con chung: Chưa có, nếu sau khi bà Cô Thị Hoàng Ngọc T sinh con mà ông Cao Văn R có tranh chấp về xác định con thì ông Cao Văn R có quyền khởi kiện vụ án khác để xác định con cho cha theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Nếu giữa bà Cô Thị Hoàng Ngọc T và ông Cao Văn R có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung: Bà Cô Thị Hoàng Ngọc T trình bày không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Cô Thị Hoàng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Cô Thị Hoàng Ngọc T đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016923, ngày 21/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TrC. Bị đơn ông Cao Văn R không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Cô Thị Hoàng Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Cao Văn R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện TrC;
- CCTHADS huyện TrC;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Oanh Kiều Lương Hữu Thanh

Nguyễn Văn Truyền

